TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 24/03/2024

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC2210	Nguyễn Thùy	An	05/9/2004	Đắk Lắk	7.0	8.0	7.5	7.5	7.67	Đạt	
2	BKNC2211	Võ Thúy	An	15/10/2003	Đồng Nai	9.67	9.0	8.0	8.0	8.33	Đạt	
3	BKNC2212	Phạm Hà	Anh	27/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.0	9.0	7.0	8.0	Đạt	
4	BKNC2213	Lâm Bội	Bội	21/8/2002	Cần Thơ	9.0	9.5	7.0	5.0	7.17	Đạt	
5	BKNC2214	Lê Thị Hà	Châu	25/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.0	7.0	5.0	6.67	Đạt	
6	BKNC2215	Ninh Thị Kim	Chi	18/10/2003	Đồng Nai	5.33	9.0	9.0	7.0	8.33	Đạt	
7	BKNC2216	Lê Thành	Đạt	14/12/2002	Bến Tre	9.33	9.0	7.0	6.0	7.33	Đạt	
8	BKNC2217	Mang Thị	Diêm	11/11/2002	Phú Yên	9.0	9.0	7.0	9.0	8.33	Đạt	
9	BKNC2218	Ngô Minh	Đức	22/3/2002	Nam Định	8.0	9.0	10.0	7.5	8.83	Đạt	
10	BKNC2219	Đỗ Nguyên	Dung	15/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	10.0	9.5	9.5	Đạt	
11	BKNC2220	Hồ Thị Kiều	Duyên	23/8/2002	Long An	9.67	7.0	9.0	9.0	8.33	Đạt	
12	BKNC2221	Lưu Hồng	Duyên	15/8/2003	Nam Định	8.0	9.0	5.0	5.0	6.33	Đạt	
13	BKNC2222	Trương Thúy	Hà	24/02/2004	Phú Yên	8.67	9.5	9.5	5.5	8.17	Đạt	
14	BKNC2223	Diệp Gia	Hân	11/01/2003	Tây Ninh	9.33	6.0	6.0	6.0	6.0	Đạt	
15	BKNC2224	Lê Thị Tuyết	Hằng	18/9/2002	Bình Định	6.0	9.0	6.5	7.0	7.5	Đạt	
16	BKNC2225	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Hạnh	13/12/2002	Đồng Tháp	6.33	8.0	7.0	8.0	7.67	Đạt	
17	BKNC2226	Vũ Thị Ngọc	Hậu	14/3/2004	Bình Phước	7.67	9.0	7.0	5.0	7.0	Đạt	
18	BKNC2227	R'MAH -	H'BYAN	05/3/2001	Gia Lai	7.67	7.0	6.0	6.0	6.33	Đạt	
19	BKNC2228	Phạm Thị Thúy	Hiền	11/8/2002	Đồng Nai	9.33	9.5	9.0	9.5	9.33	Đạt	
20	BKNC2229	Mai Phùng	Hiệp	01/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.0	7.0	7.0	7.67	Đạt	
21	BKNC2230	Nguyễn Anh Thảo	Hoa	30/6/2002	Gia Lai	8.67	9.0	6.0	7.0	7.33	Đạt	
22	BKNC2231	Trương Nguyễn Khải	Hoàn	05/02/2003	Bình Định	8.0	9.0	7.0	7.5	7.83	Đạt	
23	BKNC2232	Phạm Phi	Hùng	18/3/2002	Bình Dương	7.67	7.0	9.0	9.0	8.33	Đạt	
24	BKNC2233	Trần Thị Diễm	Hương	19/10/2002	Bến Tre	8.67	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
25	BKNC2234	Trần Ngọc	Hường	31/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.0	5.0	8.5	6.83	Đạt	
26	BKNC2235	Nguyễn Lê Hoàng	Huy	30/4/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.0	9.5	8.5	8.67	Đạt	
27	BKNC2236	Lại Thị Ngọc	Huyền	24/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.0	9.0	8.5	8.5	Đạt	
28	BKNC2237	Nguyễn Mỹ	Huyền	17/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	8.5	7.0	8.17	Đạt	
29	BKNC2238	Nguyễn Thị Thương	Huyền	15/6/2002	Đắk Lắk	7.33	7.0	7.0	9.0	7.67	Đạt	
30	BKNC2239	Đỗ Thị Bảo	Khánh	03/9/2003	Đồng Nai	9.67	9.5	9.5	10.0	9.67	Đạt	
31	BKNC2240	Trần Thị Ngọc	Khánh	28/8/2002	Đồng Tháp	9.67	7.0	9.0	6.0	7.33	Đạt	
32	BKNC2241	Đoàn Huỳnh Như	Lan	14/10/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	9.33	9.0	9.0	7.0	8.33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
33	BKNC2242	Nguyễn Thị Tuyết	Lê	26/3/2002	Ninh Thuận	7.0	7.0	9.0	6.5	7.5	Đạt	
34	BKNC2243	Dương Thị	Liên	04/01/2004	Đắk Nông	9.67	9.0	9.5	10.0	9.5	Đạt	
35	BKNC2244	Giang Thùy Phương	Linh	21/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng
36	BKNC2245	Lê Gia	Linh	12/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.0	5.5	7.0	6.5	Đạt	
37	BKNC2246	Lê Thị Thùy	Linh	29/8/2001	Bình Phước	7.33	9.0	7.5	8.0	8.17	Đạt	
38	BKNC2247	Nguyễn Huyền	Linh	15/10/2002	Kiên Giang	8.33	9.0	9.0	7.5	8.5	Đạt	
39	BKNC2248	Trương Thuỳ	Linh	03/4/2002	Quảng Nam							Vắng
40	BKNC2249	Đỗ Thị Xuân	Lộc	06/10/2004	Phú Yên	9.67	9.0	9.0	10.0	9.33	Đạt	
41	BKNC2250	Nguyễn Thị Hoàng	Lộc	09/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng
42	BKNC2251	Nguyễn Ngọc	Lý	25/6/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.0	9.5	8.0	8.5	Đạt	
43	BKNC2252	Trần Trịnh Quỳnh	Mai	24/7/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.0	8.5	10.0	9.17	Đạt	
44	BKNC2253	Hoàng Thị Huệ	Minh	21/9/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	6.0	6.0	7.0	6.33	Đạt	
45	BKNC2254	Nguyễn Thị Phương	Minh	11/10/2002	Tây Ninh	7.67	7.0	5.0	3.5	5.17	Không đạt	
46	BKNC2255	Nguyễn Phạm Thu	Ngân	27/6/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	8.0	7.0	8.0	Đạt	
47	BKNC2256	Trịnh Trần Kim	Ngân	13/4/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.0	8.0	9.5	8.83	Đạt	
48	BKNC2257	Vũ Thùy Thanh	Ngân	28/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	10.0	10.0	9.5	9.83	Đạt	
49	BKNC2258	Phan Nguyễn Như	Ngọc	25/10/2002	Long An	10.0	7.0	6.0	7.0	6.67	Đạt	
50	BKNC2259	Phạm Thị Thảo	Nguyên	13/4/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	10.0	10.0	9.5	9.83	Đạt	
51	BKNC2260	Lê Khánh	Như	30/9/2002	Tiền Giang							Vắng
52	BKNC2261	Phan Thị Tú	Như	23/5/2003	Long An	8.33	7.5	6.0	7.5	7.0	Đạt	
53	BKNC2262	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/9/2004	Bình Phước	8.33	9.0	9.0	8.0	8.67	Đạt	
54	BKNC2263	Vũ Hồng	Phấn	25/6/2003	Tây Ninh	7.33	7.0	8.0	7.0	7.33	Đạt	
55	BKNC2264	Đỗ Đạt	Phát	14/7/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.0	7.5	7.0	7.83	Đạt	
56	BKNC2265	Ok Thạch Sơn Thủy	Phú	12/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.5	9.0	7.0	8.17	Đạt	
57	BKNC2266	Đỗ Hoàng Y	Phụng	28/3/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	9.5	9.5	9.33	Đạt	
58	BKNC2267	Dương Nguyễn Hoài	Phương	29/4/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	6.0	5.0	3.0	4.67	Không đạt	
59	BKNC2268	Nguyễn Lý Thảo	Quyên	07/01/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.5	5.5	6.5	6.17	Đạt	
60	BKNC2269	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18/4/2003	Vĩnh Phúc	8.0	8.5	9.0	8.5	8.67	Đạt	
61	BKNC2270	Võ Thị Thanh	Tâm	01/10/2004	Bình Định	7.67	8.5	9.5	9.5	9.17	Đạt	
62	BKNC2271	Nguyễn Thị	Thắm	04/11/2002	Bình Định	6.33	6.0	8.0	9.0	7.67	Đạt	
63	BKNC2272	Nguyễn Thanh	Thanh	30/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	7.0	5.0	2.0	4.67	Không đạt	
64	BKNC2273	Trần Văn Sĩ	Thành	10/8/2002	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng
65	BKNC2274	Trịnh Thị Thu	Thảo	16/5/1999	Tây Ninh	8.0	10.0	9.0	9.5	9.5	Đạt	
66	BKNC2275	Trương Thị Lệ	Thi	13/12/2002	Cần Thơ	6.67	7.0	9.5	5.5	7.33	Đạt	
67	BKNC2276	Dương Thị Hoài	Thu	07/11/2001	Lâm Đồng							Vắng
68	BKNC2277	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	16/4/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu							Vắng

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
69	BKNC2278	Huỳnh Thị Thu	Thương	14/12/2003	Quảng Ngãi	9.33	9.5	9.0	9.5	9.33	Đạt	
70	BKNC2279	Nguyễn Thị Hoài	Thương	08/3/2002	Bình Thuận	7.33	4.0	7.0	8.0	6.33	Không đạt	
71	BKNC2280	Phạm Thị	Thương	14/7/2004	Bình Định	9.33	9.0	8.0	9.5	8.83	Đạt	
72	BKNC2281	Nguyễn Trần Anh	Thy	12/7/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
73	BKNC2282	Nguyễn Đỗ Thủy	Tiên	06/6/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.5	9.5	9.5	9.5	Đạt	
74	BKNC2283	Nguyễn Thái	Tín	23/9/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	5.0	3.0	6.0	4.67	Không đạt	
75	BKNC2284	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	07/8/2002	Bình Dương	4.0	0.0	5.0	3.0	2.67	Không đạt	Không ppt
76	BKNC2285	Lê Vũ Quỳnh	Trang	04/7/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	9.0	9.0	9.0	9.0	Đạt	
77	BKNC2286	Lỗ Thị Thùy	Trang	23/5/2002	Vĩnh Phúc	7.67	6.0	6.0	6.0	6.0	Đạt	
78	BKNC2287	Trần Thị Hoàng	Trinh	18/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.0	9.0	8.5	8.83	Đạt	
79	BKNC2288	Nguyễn Anh	Tú	26/11/2003	Long An	6.67	9.0	8.0	8.5	8.5	Đạt	
80	BKNC2289	Lê Thị Bích	Tuyền	30/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	9.0	7.5	8.5	Đạt	
81	BKNC2290	Đỗ Thị Tú	Uyên	25/8/2002	Bình Dương	9.67	9.0	9.0	7.0	8.33	Đạt	
82	BKNC2291	Vương Yến	Vân	04/9/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	8.5	9.0	8.83	Đạt	
83	BKNC2292	Dương Hạ	Vy	10/4/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
84	BKNC2293	Phạm Ngọc Yến	Vy	26/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
85	BKNC2294	Phạm Thị Tường	Vy	24/4/2002	Quảng Nam	8.0	7.0	9.0	9.0	8.33	Đạt	
86	BKNC2295	Trần Triệu	Vy	02/12/2004	Bình Định	9.33	9.0	9.0	9.0	9.0	Đạt	

Ghi chú: *Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5*

Số lượng thí sinh: **86** **Số thí sinh đạt:** **73**

Số lượng hiện diện: **79**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

Ngô Quang Nhựt **Thoại Nam**